

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đới Văn Trinh

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 349/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mạc Thị H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu dân cư V, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Ông Mạc Đức H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Khu dân cư V, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Phùng Văn N, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh Đ, ông H, ông N đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2020, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Mạc Thị H trình bày:

Chị và anh Phùng Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 19/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (nay là phường H, thành phố C) trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ ở khu dân cư Đ, phường H, thành phố C. Sau đó

một thời gian, vợ chồng chuyển về ở nhờ trên đất của bố mẹ đẻ chị ở khu dân cư V, phường C, thành phố C để tiện cho công việc của chị. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2008, sau khi chị sinh con thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ đi làm lái xe ở Quảng Ninh không quan tâm đến chị và có biểu hiện chơi bời, không chung thủy. Do thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2013, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra. Anh Đ thường xuyên gọi điện, nhắn tin chửi bới chị. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh Đ không chịu thay đổi. Từ năm 2015, vợ chồng chính thức sống ly thân. Anh Đ chuyển về ở với bố mẹ đẻ ở khu dân cư Đ, phường H, còn chị vẫn ở tại nhà đất của bố mẹ ở khu dân cư V, phường C. Vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể về đoàn tụ được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Văn H, sinh ngày 29/5/2008 và Phùng Văn M, sinh ngày 18/8/2013. Nếu ly hôn chị đề nghị giao 02 con cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Lý do chị xin được nuôi cả 02 con chung vì hiện tại chị làm tại Công ty T, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng. Các con ở với chị từ bé đến nay, được chị chăm sóc tốt. Bố mẹ chị cũng tạo điều kiện hỗ trợ chị về chỗ ở cũng như hỗ trợ chăm sóc các con khi chị đi làm. Hơn nữa, anh Đ làm lái xe, đi làm xa, không tiện cho việc chăm sóc các con. Theo chị được biết, thu nhập của anh Đ hàng tháng khoảng 7.000.000đ - 8.000.000đ. Để đảm bảo việc ăn học, sinh hoạt của các con tốt nhất, chị yêu cầu anh Phùng Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Phùng Văn Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc.

- Tại bản tự khai ngày 14/3/2021, các cháu Phùng Văn H và Phùng Văn M đều trình bày có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

- Ông Mạc Đức H - bố đẻ chị H xác định: Khoảng năm 2008 - 2009, giữa chị H và anh Đ phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ chơi bời, không chung thủy với chị H. Đến năm 2013, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục diễn ra. Anh Đ đi làm xa thường xuyên điện thoại chửi bới, xúc phạm chị H. Vợ chồng không quan tâm đến nhau và sống ly thân mấy năm nay. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhưng anh Đ không thay đổi. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của ông là để chị H tự quyết định. Về con chung: Ông H cho rằng 02 con chung H và M do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Các cháu khỏe mạnh và phát triển tốt. Ông H đề nghị giao cả 02 con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Vợ chồng ông sẽ tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ở

cũng như hỗ trợ chị H chăm sóc nuôi dưỡng các cháu nếu chị H được nuôi con.

- Ông Phùng Văn N - Bố đẻ anh Đ xác định: Sau khi vợ chồng chị H, anh Đ kết hôn được một thời gian thì vợ chồng chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị H ở khu dân cư V, phường C sinh sống. Cách đây vài năm, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh Đ chuyển về nhà ông ở. Vợ chồng anh Đ, chị H sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân cụ thể ông không rõ. Ông có động viên vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa chị H và anh Đ, gia đình ông đã thông báo cho anh Đ biết, nhưng anh Đ nói mặc kệ Tòa án và chị H muốn làm gì thì làm. Nay chị H xin ly hôn anh Đ, quan điểm của ông là không muốn vợ chồng chị H, anh Đ ly hôn nên đề nghị Tòa án hòa giải, động viên để vợ chồng về đoàn tụ. Về con chung: Ông đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh với khu dân cư Đại Tân xác định: Khoảng mấy năm trước, anh Đ có về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư Đ, phường H ở, vợ chồng không chung sống cùng nhau. Mâu thuẫn cụ thể giữa chị H và anh Đ địa phương không nắm được. Anh Đ hiện tại làm gì, ở đâu địa phương cũng không rõ. Chỉ biết là thỉnh thoảng vẫn về nhà bố mẹ đẻ, sau đó lại đi. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Địa phương xác định hiện tại 02 con H và M đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu tòa án giải quyết việc ly hôn quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các bên khi giao con.

- Tại công văn trả lời số 7389/QLXNC-P5 ngày 29/3/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định: Không có thông tin hộ chiếu và xuất nhập cảnh của anh Phùng Văn Đ.

Tại phiên toà:

Chị H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị H được ly hôn anh Phùng Văn Đ. Về con chung: Xử giao cả 02 con chung là Phùng Văn H, sinh ngày 29/5/2008 và Phùng Văn M, sinh ngày 18/8/2013 cho chị Mạc Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phùng Văn Đ có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con chung với chị Mạc Thị H đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phùng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Mạc Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006695 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh Phùng Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phùng Văn Đ cư trú tại: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Mạc Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Đ và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị H và anh Phùng Văn Đ kết hôn với nhau ngày 19/11/2007 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Tân (nay là phường Hoàng Tân). Do vậy, hôn nhân của chị H, anh Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng và thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ năm 2015, chị H và anh Đ đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh Đ đến Tòa án nhiều lần, anh Đ biết nhưng không đến Tòa, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh Đ từ

năm 2015 đến nay không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Văn H, sinh ngày 29/5/2008 và Phùng Văn M, sinh ngày 18/8/2013. Hiện tại, các con đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện tại: Chị H đang làm công ty gần nhà, thu nhập 10.000.000đ/tháng, có chỗ ở ổn định; 02 con chung là Phùng Văn H và Phùng Văn M được chị H trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, khỏe mạnh, ngoan ngoãn và được học hành đầy đủ; Anh Đ làm xa nhà ít thời gian nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Quan điểm nuôi con của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu Hùng, cháu Mạnh và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện tại của vợ chồng. Do vậy, cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị H về việc giao 02 con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của các con chung. Anh Đ không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.490.000đ/tháng, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh Đ và nhu cầu thiết yếu của các con chung là Phùng Văn H và Phùng Văn M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Mạc Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Anh Phùng Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tổ tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị H được ly hôn anh Phùng Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao cả 02 con chung là Phùng Văn H, sinh ngày 29/5/2008 và Phùng Văn M, sinh ngày 18/8/2013 cho chị Mạc Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phùng Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Mạc Thị H đối với cả 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phùng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mạc Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006695 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Phùng Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường H (Đề ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang

